

Số: 20 /2018/QĐ-UBND

Bạc Liêu, ngày 02 tháng 7 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế phối hợp trong công tác phòng ngừa,
xử lý vi phạm pháp luật về đề điều trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy định pháp luật năm 2015;

Căn cứ Luật Đề điều ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Căn cứ Luật Thanh Tra ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 07/2012/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2012 của Chính phủ Quy định về cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành và hoạt động thanh tra chuyên ngành;

Căn cứ Nghị định số 113/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đề điều;

Căn cứ Nghị định số 104/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 09 năm 2017 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai; khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; đề điều;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 163/TTr-SNN ngày 25 tháng 6 năm 2018.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “*Quy chế phối hợp trong công tác phòng ngừa, xử lý vi phạm pháp luật về đề điều trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu*”.

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, Ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Bạc Liêu tổ chức triển khai thực hiện nội dung Quyết định này; đồng thời, phổ biến rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng để Nhân dân được biết và thực hiện.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc, Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Bạc Liêu; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 12 tháng 7 năm 2018./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (báo cáo);
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- TT Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh (để giám sát);
- Sở Tư pháp (tự kiểm tra);
- Báo Bạc Liêu; Đài PTTH tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Trung tâm CB - TH (đăng công báo);
- Lưu: VT, (hh400).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**



Dương Thành Trung

QUY CHẾ

**Phối hợp trong công tác phòng ngừa,
xử lý vi phạm pháp luật về đề điều trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu**

*(Kèm theo Quyết định số 20 /2018/QĐ-UBND
ngày 02 tháng 7 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định trách nhiệm phối hợp của các cấp, các ngành, các tổ chức, cá nhân có liên quan trong công tác phòng ngừa, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về đề điều trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã, các Sở, Ban, Ngành và các đơn vị trực thuộc; người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật; các tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến đề điều trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.

Chương II TRÁCH NHIỆM PHỐI HỢP TRONG CÔNG TÁC PHÒNG NGỪA, XỬ LÝ VI PHẠM PHÁP LUẬT VỀ ĐỀ ĐIỀU

Điều 3. Công tác tuyên truyền, phòng ngừa vi phạm

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Chỉ đạo Chi cục Thủy lợi, Thanh tra Sở phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về đề điều.

b) Chỉ đạo nghiên cứu, triển khai các biện pháp, giải pháp (*công trình và phi công trình*) nhằm phòng ngừa, ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật về đề điều có hiệu quả.

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Bạc Liêu:

a) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về đề điều trên địa bàn quản lý.

b) Chỉ đạo Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn phối hợp với các cơ quan tuyên truyền và cơ quan quản lý đề điều để thông tin, tuyên truyền, phổ biến các văn bản, quy định của pháp luật về đề điều.

3. Chi cục Thủy lợi:

a) Phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan liên quan tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật về đê điều.

b) Đề xuất, dự trù kinh phí cho công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về đê điều.

4. Hạt Quản lý đê:

a) Hướng dẫn công tác chuyên môn, nghiệp vụ và tuyên truyền, phổ biến pháp luật về bảo vệ công trình đê điều ở các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh.

b) Cung cấp các tin, bài liên quan đến vi phạm và xử lý vi phạm pháp luật về đê điều để Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn phát trên Đài Truyền thanh.

5. Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn: Định kỳ phát các tin, bài về tình hình vi phạm và công tác xử lý vi phạm pháp luật về đê điều trên Đài Truyền thanh của các xã, phường, thị trấn.

Điều 4. Công tác xây dựng, quản lý, bảo vệ và xác định mốc giới bảo vệ đê điều

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố triển khai cắm mốc bảo vệ đê điều.

2. Chi cục Thủy lợi quản lý, tu bổ hệ thống mốc giới đê điều trên địa bàn tỉnh.

3. Hạt Quản lý đê quản lý hồ sơ, xác định mốc giới đê điều, phối hợp với Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn trong việc bảo vệ mốc giới đê điều trên địa bàn tỉnh.

Điều 5. Công tác tiếp nhận và xử lý thông tin về vi phạm

1. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật về đê điều cần khẩn trương thông báo cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền, Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn nơi xảy ra vi phạm biết.

Mọi tổ chức, cá nhân có thẩm quyền đều có trách nhiệm tiếp nhận, phải xác minh và xử lý kịp thời, triệt để mọi thông tin về hành vi vi phạm pháp luật về đê điều xảy ra thuộc phạm vi phụ trách theo quy định của pháp luật.

2. Hạt Quản lý đê:

a) Chủ trì thực hiện việc kiểm tra, phát hiện kịp thời ngay từ khi mới phát sinh các hành vi vi phạm pháp luật về đê điều.

b) Khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật về đê điều, chủ trì phối hợp với chính quyền hoặc lực lượng được giao phụ trách công tác đê điều xã, phường, thị trấn như: Công an, cán bộ chuyên môn được giao nhiệm vụ làm công tác trật tự xây dựng đô thị, địa chính tiến hành lập Biên bản vi phạm, chậm nhất trong thời

hạn 24 giờ phải chuyển hồ sơ vụ việc vi phạm đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn sở tại xử lý hoặc báo cáo Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Bạc Liêu theo quy định của pháp luật.

3. Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn chỉ đạo lực lượng được giao phụ trách công tác đề điều như: Công an, cán bộ chuyên môn được giao nhiệm vụ làm công tác trật tự xây dựng đô thị, địa chính phối hợp chặt chẽ với Hạt Quản lý đề trong việc kiểm tra, phát hiện và lập Biên bản vi phạm pháp luật về đề điều.

Điều 6. Xử lý vi phạm

1. Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn:

a) Khi nhận được hồ sơ vi phạm do Hạt Quản lý đề chuyển đến, chậm nhất trong thời gian 24 giờ phải tiến hành các trình tự, thủ tục xử phạt vi phạm hành chính theo đúng quy định của pháp luật.

b) Xử phạt các hành vi vi phạm hành chính về đề điều theo đúng thẩm quyền đối với các hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3, Khoản 4, Điều 20 Nghị định số 104/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ; trường hợp vượt quá thẩm quyền (*mức phạt trên 05 triệu đồng*) lập hồ sơ, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Bạc Liêu xử phạt.

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Bạc Liêu:

a) Chỉ đạo Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn, cơ quan Công an và các lực lượng chức năng thuộc huyện, thị xã, thành phố xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về đề điều theo đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

b) Xử phạt các hành vi vi phạm hành chính về đề điều theo đúng thẩm quyền đối với các hành vi vi phạm quy định tại Khoản 6 Điều 20 (*phạt đến 50 triệu đồng*), Điều 21, Điều 22, Điều 25 Nghị định số 104/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ; trường hợp vượt quá thẩm quyền, tập hợp hồ sơ vi phạm, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xử phạt theo quy định của pháp luật.

c) Khi nhận được hồ sơ vụ việc vi phạm và đề nghị xử lý vi phạm của Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn, thuộc thẩm quyền xử phạt của Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, chậm nhất trong thời hạn 24 giờ phải tiến hành trình tự, thủ tục xử phạt vi phạm hành chính theo đúng quy định của pháp luật.

d) Trong thời hạn hai (02) ngày làm việc kể từ khi nhận được văn bản kiến nghị xử lý vi phạm của cơ quan quản lý đề điều, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo cơ quan chức năng của huyện, thị xã, thành phố kiểm tra, xác minh và tham mưu xử lý hoặc chỉ đạo Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn xử lý theo thẩm quyền.

d) Trường hợp phức tạp, tổ chức họp liên ngành để phối hợp xử lý.

3. Hạt Quản lý đề:

a) Phối hợp với Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn trong việc: Thiết lập hồ sơ vi phạm; xác định cụ thể về điều khoản vi phạm; mức xử phạt; biện pháp

khắc phục hậu quả; thời gian khắc phục hậu quả; thẩm quyền xử phạt đối với hành vi vi phạm pháp luật về đề điều.

b) Đôn đốc việc xử lý hành vi vi phạm pháp luật về đề điều của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; trường hợp hành vi vi phạm không được Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn xử lý hoặc xử lý không nghiêm, không dứt điểm theo đúng quy định của pháp luật, Hạt trưởng Hạt Quản lý đề có văn bản báo cáo Chi cục trưởng Chi cục Thủy lợi báo cáo và đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo xử lý theo quy định của pháp luật, gửi cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn.

c) Tổng hợp, báo cáo tình hình vi phạm pháp luật về đề điều xảy ra trên địa bàn tỉnh về Chi cục Thủy lợi, Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố định kỳ hàng tháng, quý, năm và đột xuất khi có yêu cầu.

d) Hàng năm, chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn rà soát, phân loại, thống nhất số liệu vi phạm, kiến nghị xử lý cụ thể đối với từng trường hợp vi phạm pháp luật về đề điều còn tồn đọng trên địa bàn quản lý.

4. Chi cục Thủy lợi:

a) Kiểm tra, xác minh, phân loại các trường hợp vi phạm pháp luật về đề điều, chỉ đạo lập hồ sơ, văn bản kiến nghị Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và xã, phường, thị trấn xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

b) Định kỳ hàng tháng, quý, năm tổng hợp về tình hình vi phạm và xử lý vi phạm pháp luật về đề điều trên địa bàn tỉnh, báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tổng cục Phòng chống thiên tai, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo quy định.

c) Giải quyết kiến nghị, phản ánh, tố cáo về hành vi vi phạm pháp luật về đề điều theo thẩm quyền.

d) Phối hợp với Thanh tra Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện thanh tra các vụ việc vi phạm pháp luật về đề điều nghiêm trọng còn tồn đọng theo chỉ đạo của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

đ) Xử phạt các hành vi vi phạm hành chính về đề điều theo quy định của pháp luật đối với các hành vi vi phạm theo quy định tại Khoản 5 Điều 20, Điều 23, Điều 24 Nghị định số 104/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ.

5. Thanh tra Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về đề điều đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh theo kế hoạch thanh tra hàng năm hoặc đột xuất được Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt.

b) Chỉ đạo lực lượng thanh tra viên thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành về đề điều và xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

c) Kiến nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tước quyền sử dụng giấy phép, tịch thu hoặc tạm giữ tang vật, phương tiện, buộc phá dỡ các công trình xây dựng vi phạm pháp luật về đề điều và yêu cầu khắc phục hậu quả do hành vi vi phạm gây ra.

d) Chủ trì, phối hợp với Thanh tra Giao thông vận tải, Cảnh sát giao thông tuần tra, kiểm tra, ngăn chặn, xử lý xe lưu thông trên đê vượt quá tải trọng cho phép của cầu, đường.

6. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Chỉ đạo Thanh tra Sở, Chi cục Thủy lợi phối hợp với các lực lượng chức năng của tỉnh, tổ chức thanh tra đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc ngành trong thực hiện các quy định của pháp luật về đề điều.

b) Đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp xem xét, xử lý dứt điểm các hành vi vi phạm pháp luật về đề điều khi nhận được báo cáo, đề nghị của Chi cục Thủy lợi, của Thanh tra Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

c) Chủ trì, phối hợp với các lực lượng chức năng của tỉnh đôn đốc Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố xử lý vi phạm pháp luật về đề điều thuộc thẩm quyền theo đúng quy định của pháp luật.

d) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan của tỉnh thực hiện chức năng thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về đề điều và xử lý theo quy định của pháp luật.

đ) Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ngành, đơn vị chức năng có liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện xử phạt các hành vi vi phạm hành chính về đề điều, quy định tại Khoản 7, Điều 20 Nghị định số 104/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ.

7. Sở Xây dựng:

Chỉ đạo Thanh tra Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các đơn vị chức năng có liên quan tiến hành kiểm tra, xử lý các công trình xây dựng vi phạm nằm trong hành lang bảo vệ đề điều.

8. Công an tỉnh:

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo, hướng dẫn Công an các đơn vị, địa phương xây dựng và thực hiện phương án đảm bảo trật tự, an ninh ở khu vực đê xung yếu; đồng thời, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan kịp thời phát hiện, kiểm tra, xử lý các tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật về đề điều.

Điều 7. Cưỡng chế, khắc phục hậu quả

1. Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn phải thực hiện các biện pháp ngăn chặn kịp thời, xử lý dứt điểm không để vi phạm phát sinh; trường hợp đối tượng vi phạm không tự nguyện chấp hành, phải tổ chức cưỡng chế, khắc phục hậu quả theo đúng thẩm quyền và đảm bảo trình tự, thủ tục quy định của pháp luật:

a) Chủ trì, phối hợp với Phòng chuyên môn được giao nhiệm vụ làm công tác trật tự xây dựng đô thị, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn của huyện, Phòng Kinh tế của thị xã và thành phố, Hạt Quản lý đô xây dựng kế hoạch, tổ chức lực lượng cưỡng chế giải tỏa vi phạm.

b) Huy động các lực lượng: Công an, cán bộ chuyên môn được giao nhiệm vụ làm công tác trật tự xây dựng đô thị và các lực lượng khác tham gia xử lý, giải tỏa vi phạm; khi cần thiết đề nghị Công an, Phòng chuyên môn được giao nhiệm vụ làm công tác trật tự xây dựng đô thị và các cơ quan chức năng của huyện, thị xã và thành phố hỗ trợ lực lượng tham gia cưỡng chế giải tỏa vi phạm.

c) Dự trù kinh phí đảm bảo cho công tác cưỡng chế giải tỏa vi phạm trong nguồn ngân sách hàng năm.

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Bạc Liêu:

Tổ chức cưỡng chế quyết định xử phạt vi phạm hành chính khi các đối tượng vi phạm pháp luật về đô điều không tự nguyện chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính của người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật; xây dựng kế hoạch, tổ chức cưỡng chế giải tỏa vi phạm:

a) Công an, Phòng chuyên môn được giao nhiệm vụ làm công tác trật tự xây dựng đô thị và các cơ quan chức năng của huyện, thị xã và thành phố bố trí đầy đủ lực lượng tham gia cưỡng chế giải tỏa vi phạm.

b) Chỉ đạo Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn huy động lực lượng Công an, cán bộ chuyên môn được giao nhiệm vụ làm công tác trật tự xây dựng đô thị tham gia cưỡng chế giải tỏa vi phạm.

c) Huy động đầy đủ về phương tiện, thiết bị cần thiết để cưỡng chế giải tỏa vi phạm.

3. Chi cục Thủy lợi:

a) Phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trong việc tổ chức cưỡng chế giải tỏa các hành vi vi phạm pháp luật về đô điều thuộc thẩm quyền xử phạt của Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.

b) Chỉ đạo Hạt Quản lý đô hoàn chỉnh hồ sơ vi phạm, xác định mốc giới bảo vệ công trình đô điều, làm cơ sở cho việc giải tỏa vi phạm.

4. Hạt Quản lý đô:

a) Phối hợp với Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn trong việc xây dựng kế hoạch cưỡng chế giải tỏa vi phạm.

b) Xác định mức giới công trình đề điều; phạm vi công trình vi phạm; vấn đề về kỹ thuật liên quan đến an toàn công trình đề điều.

5. Công an tỉnh:

Chỉ đạo lực lượng Công an các địa phương cùng cấp xây dựng kế hoạch bảo vệ trật tự, an toàn trong quá trình thực hiện quyết định cưỡng chế, khi có đủ căn cứ xác định quyết định cưỡng chế được ban hành đúng quy định của pháp luật, bảo đảm yêu cầu chính trị, quyền và lợi ích chính đáng, hợp pháp của người dân; tạo được sự đồng thuận của đại bộ phận quần chúng nhân dân, cán bộ, đảng viên, lực lượng nòng cốt tại địa phương cơ sở.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cấp, các ngành và các tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh kịp thời về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp báo cáo và trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**



Dương Thành Trung